

## Tiểu sử Trần Cao Vân

Trần Cao Vân là một trong những người cầm đầu âm mưu khởi nghĩa tại Trung Việt, do Việt Nam Quang Phục Hội chủ xướng. Ông sinh năm Bính Dần (1866) tại làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Làng Tư Phú là một trong mười một làng thuộc khu đất "Gò Nổi", một khu đất sản xuất ra nhiều bậc anh tài của xứ sở như Phạm Phú Thứ, Hoàng Diệu v.v.. Ông là con cụ Trần Trung Trực, thường gọi là cụ Quyền Trực, một người được sự mến chuộng của dân làng Tư Phú và cụ bà Đoàn Thị.

Trần Cao Vân tên thật là Trần Công Thọ, lúc lớn lên từng học và đi thi lấy tên là Trần Cao Đệ, lúc vào chùa lấy pháp danh là Như Ý, khi ra hoạt động cách mạng đổi tên là Trần Cao Vân, biệt hiệu là Hồng Việt và Chánh Minh, còn có biệt danh là Bạch Sĩ. Theo những người đồng thời kể lại: Trần Cao Vân có vóc dáng trung trung, mặt vuông, trán cao, đôi mắt sâu và sáng, năm chòm râu dài tha thướt trông thật uy dũng.

Thường nhật ông có tánh bình dị, không chuộng sự xa hoa. Lúc thiếu thời không kể, nhưng từ khi được 21 tuổi, ngày mà ông bắt đầu ly hương cho đến ngày từ giã cuộc đời, ông đã trải qua nhiều giai đoạn: từ một nho sĩ, một đạo sĩ rồi đến một nhà cách mạng, ông sống một cuộc đời thanh đạm. Luôn luôn ông mặc một cái áo vải ta nhuộm màu xanh chàm, bịt khăn nhiễu thâm, đội chiếc nón lá, ngoài ra không có thêm một trang phẩm nào cả. Tuy là một nhà cách mạng, nhưng Trần Cao Vân rất nổi tiếng về văn chương thi phú. Lúc thiếu thời, khi còn là một thư sinh, ông tỏ ra xuất sắc nhất. Năm 13 tuổi, một hôm thầy học ra câu đối cho học trò tập làm bài. Nhìn thấy giữa lớp học có một cây đèn treo, thầy ra câu đối:

Đèn treo giọi sáng bốn phương nhà

Tuy nhỏ tuổi nhất lớp, nhưng lanh trí Cao Vân đã lên tiếng:

"Trăng tỏ khắp soi muôn cụm núi"

Có lần vào lúc tháng mười âm lịch. Cao Vân đến nghe giảng sách ở nhà cụ Cừ. Sau buổi giảng sách xong, có người láng giềng đưa đến biếu bà cụ một mớ hành hương để làm giống. Bà cụ bảo: Hành này còn non mà tàn sớm e giống không mạnh (không là do tiếng không đọc trại ra, tiếng nói địa phương Quảng Nam, ngay tại miền Nam tiếng không ở miền quê vẫn đọc là "hông" hay "khổng". Cũng như: Tôi hông biết hay Tôi không biết nó đi đâu mất rồi). Cụ Cừ nghe câu nói hay hay, liền lấy ý ấy ra câu đối cho học trò làm:

"Hành tàn giống khổng mạnh"

Câu đối này có hai nghĩa:

- 1- Nghĩa đen: Giống hành hay tàn không tốt
- 2- Nghĩa bóng: Lúc tiến lúc thoái đều theo đạo Khổng Mạnh

(Hành tàn đồng âm với Hành tàng, tức hành động và đi ở ẩn - Khổng mạnh đồng âm với Khổng Mạnh, tức Khổng Tử và Mạnh tử trong nho giáo).

Nghe xong Trần Cao Vân ứng khẩu đối lại:

"Cải hóa con càng khôn".

Câu đối này có hai nghĩa:

- 1- Nghĩa đen: Rau cải này nở càng tốt (vì cải con "hoá" tức là nảy nở lên, "càng khôn", tức là càng tốt)

2. Nghĩa bóng: Làm người cần phải biết thay đổi, cách mạng để tiến hóa theo biến dịch của vạn vật (Cải hóa: thay đổi, tiến hóa, cần khôn, đồng nghĩa với cần cần khôn. Theo lối đối miêng (ứng khẩu) ngày trước các cụ thường dùng cách mượn âm)

Cụ cử và các môn đệ đều tán thưởng tài của Cao Vân không ngớt lời. Chẳng mấy lúc mà câu đối trên được truyền tụng khắp các vùng Bình Định, Quảng Nam.

Làm bài thơ "vịnh chiếc cối xay" Trần Cao Vân đã bày tỏ thân thế một cách rõ rệt. Mồ côi mẹ từ lúc tuổi còn nhiều hứa hẹn, sống trong gia đình tẻ nhạt khô khan vì thiếu tình mẫu tử, đến năm Cao Vân được 20 tuổi là năm mà nước nhà rơi vào cảnh đen tối, nhục nhã. Kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn, đó cũng chính là năm mà Cao Vân đặt bước phiêu lưu.

Khen ai xưa đã khéo trêu bày,  
Bạn cối này ta vốn để xay.  
Góc Tì kiên khôn trông giữa rón,  
Cán Dền tinh đầu vận trong tay.  
Nghiên rằng tựa sấm ý âm dầy,  
Mở miệng đường mưa lác đác bay  
Tứ trụ dưới nhờ chơn đế vững  
Cùng trên phụ bất sẵn hai tay.  
(Vịnh Cái Cối Xay)

Trong Đạo thư có câu: Thiên thai ư Tý, địa tịch ư Sửu, nhân sinh ư Dần. Gốc Tý: chỉ ngôi trời, Cán Dền: chỉ người. Ý nói mọi việc đều do ý trời và lòng người hợp lại mới mong thành tựu.

Năm 1882, Cao Vân được cùng các sĩ tử dự lễ đám táng của Hoàng Diệu Tổng Trấn Bắc Thành, khi linh cửu được đưa về làng Xuân Đài, tỉnh Quảng Nam. Tiếp đến là những cái tang của vua Tự Đức và cảnh đất nước chìm đắm trong khói lửa xâm lăng của Pháp. Sau đó, Cao Vân lại vào chùa Cổ Lâm tại làng An Định, huyện Đại Lộc, thuộc miền thượng du tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian này, Cao Vân quen với Võ Thạch, tức là Thừa Tô, con trai của cụ Cai Tổng Trung Chính trong sự kết thân này mà ông Thừa Tô đã đem em gái là Võ thị Quyền. tục gọi là cô Ba Bàn gả cho Cao Vân. Có một đạo Cao Vân ngồi dạy học tại làng Đại Giang, kế cận làng An Định, cũng gọi là Bồ Phan. Trong thời gian làm đạo sĩ tại cổ Lâm tự, Cao Vân đã làm một bài thơ như sau:

Chí quyết tan bồng vỡ bốn phương,  
Chồng nằm chi để ghé râu vương.  
Ba thù quyết trả đền ơn trọng,  
Một giận mong ra gỡ tiếng ương.  
Nợ nước đã toan tròn nghĩa vụ,  
Tình nhà đánh gác nổi tư lương.  
Nam mô nguyện trả xong rồi nợ  
Mối thành đem về cõi Hạ Thương.

Vào khoảng tháng 9 năm 1915, Trần Cao Vân được Việt Nam Quang Phục Hội ủy nhiệm cùng bạn đồng chí là Thái Phiên tiếp xúc với vua Duy Tân để mời nhà vua tham gia cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

Trần Cao Vân và Thái Phiên đã tìm đủ mọi cách đưa Phan Hữu Khánh vào làm tài xế cho vua Duy Tân để thực hiện được chương trình giao phó. Trong dịp này, Phan Hữu Khánh đã dâng lên vua Tự Đức một bức thư đại ý tâu trình lên vua những thảm trạng của đất nước và sự nô lệ của dân tộc và nguyện vọng của dân chúng mong muốn khôi phục lại nền độc lập của quốc gia. Xem thư xong, vua Duy Tân vô cùng cảm động và mong ước được hội kiến với các nhà ái quốc để luận bàn quốc sự.

Ngày 12 tháng 3 âm lịch (1916), Cao Vân và Thái Phiên giả làm người đi câu, đến tìm gặp vua Duy Tân trên Ngự Hà và hoạch định chương trình khởi nghĩa cứu quốc. Sau đó, ít lâu Cao Vân và Thái Phiên được bầu vào ủy ban khởi nghĩa tại kinh đô Huế trong dịp tiếp xúc nhà vua lần thứ hai Thái Phiên giữ chức chủ tịch và Cao Vân làm chức quân sự. Lúc đầu cuộc tổng khởi nghĩa định vào giờ Ngọ, ngày Ngọ, tháng Ngọ tức là ngày mùng 2 tháng 5 năm Bính Thìn (nhằm ngày 8 tháng 6 năm 1916). Trần Cao Vân đã làm bài thơ "Hòa Xa Quế Hàn" dưới đây để ra hiệu lệnh mật cho các nơi:

Một nỗi xa thơ đã biết chưa ?  
Bắc Nam hai ngã gặp nhau vừa,  
Đường rầy đã sẵn thang mây bước.  
Ông khói càng cao ngọn gió đưa.  
Sầm dậy tứ bề trăm máy chuyển,  
Phút thâu muôn dặm nửa giờ trưa  
Trời sai ra dọn xong từ đây,  
Một mối xa thơ đã biết chưa ?

Nhưng sau đó, theo quyết nghị chung, vì trường hợp khẩn cấp, phải khởi nghĩa trước một tháng, vào đêm mùng 2 tháng 4 năm Bính Thìn, tức ngày 3 tháng 5 năm 1916. Nhưng ngay chiều mùng 1 âm mưu bị bại lộ, quân Pháp đã áp dụng những biện pháp đề phòng rất gắt. Trần Cao Vân và Thái Phiên không ngờ vực gì cả, cứ theo như kế hoạch đã định đưa vua Duy Tân ra khỏi hoàng thành. Vua Duy Tân và Thái Phiên bị bắt gần cửa Nam Giao (Huế), còn Trần Cao Vân cũng bị bắt tại Hà Trung thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên.

Ngày 17 tháng 5, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Hữu Khánh và mấy người lính hầu vua Duy Tân bị xử chém tại An Hoà (phía Tây Bắc Thành Nội Huế), nhằm ngày 16 tháng 4 năm Bính Thìn. Trần Cao Vân hưởng thọ 51 tuổi.

Trong lúc bị giam tại nhà lao Huế, trước ngày ra pháp trường lên đoạn đầu đài đền nợ non sông, Trần Cao Vân có làm hai bài thơ tuyệt mệnh.

Trung lập kiền khôn bất ý thiên  
Việt Nam văn vật cổ lai truyền.  
Quân dân cộng chủ tinh thần hội,  
Thần tử tôn châu nhật nguyệt huyền,  
Bách Việt Sơn Hà vô bạch xỉ,  
Nhất trang trung nghĩa hữu thanh thiên.  
Anh hùng đề cục hưu thành bại,  
Công luận thiên thu phó sử biên

(Bài thứ nhất)

Bản dịch Nôm của Hành Sơn:

Giữa trời đứng vững không thiên,  
Nghìn năm nước Việt còn truyền sử xanh.  
Chu vương nhân chính đại hành  
Quân dân hợp sức lũy thành đắp xây  
Người thù non nước còn đây,  
Trời xanh với tấm lòng này tương tri  
Anh hùng thành bại xá gì,  
Nghìn thu lịch sử còn ghi lại đời

## VINH TAM TÀI

Trời đất sinh ta có ý không ?  
Chưa sinh trời đất có ta trong  
Ta cùng trời đất ba ngôi sánh,  
Trời đất in ta một chữ đồng.  
Đất nước ta ra trời chuyển động,  
Ta thay trời mở đất mênh mông.  
Trời che đất chở ta thông thả,  
Trời đất ta đầy đủ hóa công.

(Bài thứ hai)

Một người vô danh đã khóc Trần Cao Vân bằng 4 câu thơ dưới đây:

Hy tiên văn hậu thử chân truyền  
Biệt tự trung gian tạo nhất thiên  
Học thuyết năng tương tiên huyết nhiệm  
Nam phương tân dịch tích vô truyền

Cụ Huỳnh Thúc Kháng dịch Nôm:

Văn sau Hy trước vẫn kinh này,  
Riêng giữa "trung thiên" đứng một tay,  
Học thuyết đem bầu tâm huyết nhuộm,  
Trời Nam dịch mới tiếc không thầy

Về văn thơ của Trần Cao Vân, ngoài những bài trên đây, còn những câu đối, những bài thơ đa số đều bộc lộ những lời lẽ ái quốc của một nhà cách mạng. Nhân cụ Châu Thơ Đồng, tức Châu Thượng Văn nhin đối mà thác tại nhà lao Thừa Phủ Huế, vì việc nhân dân kháng thuế tại Trung Kỳ mà cụ đứng ra nhận chịu là chính cụ khởi xướng. Khóc cụ Châu Thơ Đồng, Trần Cao Vân làm câu đối:

Ngã bất năn xã sinh !  
Nại hà tại "Trung thiên dịch" sơ khai,  
Du lý thất niên tiền vị điền

Quân nãi năn tự nghĩa !  
Nan đắc giả vạn thể kinh độc thủ  
Thú Dương thiên tài hậu du văn

Cụ Huỳnh Thúc Kháng dịch Nôm:

Ta có tiếc sống đâu !  
Ngặt vì dịch "Trung thiên" mới mở đầu,  
Du lý bảy năm chưa kịp điền.  
Người hãn theo nghĩa đấy !  
Khó nhất kinh muôn đời hay giữ chắc,  
Thú Dương nghìn thuở vẫn còn nghe

Trong đời làm cách mạng, Trần Cao Vân bao lần vào tù ra khám. Liên lụy vì cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ, ông bị giam 11 tháng tại nhà lao tỉnh Phú Yên. Sau đó vì vụ án "Trung thiên dịch" (Nguyên Kinh Dịch, tương truyền, là do vua Phục Hy thời cổ (khoảng 4000 năm trước Tây Lịch) làm ra gọi là dịch "Tiên Thiên"). Kế tiếp vua Văn Vương bày ra Dịch "Hậu Thiên", Chu Công và Khổng Tử phụ thêm vào các lời Hào Từ, Thoán Từ, Văn Ngôn, Hệ Từ, Thuyết Quái, Tụ Quái, Tạp Quái. v.v... để bàn rộng ý nghĩa Kinh Dịch của Phục Hy

Từ đời nhà Hán đến đời nhà Thanh, rất nhiều học giả Tàu tranh luận sôi nổi về Kinh Dịch "Tiên Thiên" và "Hậu Thiên" nhưng chưa có người nào bàn ra ngoài hai thể tài trên. Ngay cả các bậc túc Nho bác học như Trình Di, Chu Hy đời nhà Tống cũng chưa dám có ý kiến riêng ngoài "Tiên Thiên" và "Hậu Thiên". Nghiên cứu về Kinh Dịch trong lúc còn ở tại chùa Cổ Lâm ở làng An Định (Quảng Nam), Trần Cao Vân lại xướng lên Dịch "Trung Thiên", nghĩa là đem Dịch "Tiên Thiên" của Phục Hy hợp lại với Dịch "Hậu Thiên" của Văn Vương, nhưng mãi đến ngày nay không mấy ai hiểu rành thuyết lý "Trung Thiên Dịch" của ông cả. Trần Cao Vân lại có tài xem tướng số rất giỏi, không bao lâu mà thiên hạ hai tỉnh Bình Định, Phú Yên xem ông như một nhà tiên tri đại tài. Có người tặng bốc cho ông là một người có tài nham độn xuất quỷ nhập thần. Mọi người đua nhau theo thuyết "Trung thiên dịch" của ông và trong nhà viết 6 chữ: bên tả hai chữ "Tiên Thiên", bên hữu hai chữ "Hậu Thiên" và chính giữa hai chữ "Trung Thiên" để hàng ngày chiêm ngưỡng. Số người lui tới Trần Cao Vân ngày càng đông. Trong dân chúng cứ đua nhau thì thầm bàn tán về "Trung Thiên Dịch". Nhà chức trách địa phương vô cùng lo sợ, vì mới đó không lâu giặc Võ Trứ vừa mới dẹp yên, nay nẩy xảy ra việc lôi thôi ắt phải bị triều đình khiển trách nặng nề. Vì thế Bố Chánh Bùi Xuân Huyền truyền bắt Cao Vân và bà vợ cùng với người đệ tử Nguyễn Nhuận hạ ngục. Hôm bắt Trần Cao Vân lập lời khai trước công đường có trải chiếu chiếu, bỗng từ đâu có một con cóc nhảy vào Muôn hạ nhục Cao Vân, Bố Chánh Huyền bảo ông phải làm bài thơ vịnh con cóc. Cao Vân viết ngay:

Muôn vật thân ta nghĩ lại càng,  
Nỗi mình trông thấy cóc ngồi hang  
Áo sồi một tấm trời che đậy,  
Hang thẳm mây từng đất mở mang.  
Giếng ếch nó thềm đua lặn hụp Cung  
Thiền riêng ở mặc nghinh ngang.  
Nghiến răng sấm dậy chùng ra cửa,  
Lưỡi quét xong rồi kiến thấy tan.

Biết Cao Vân có ý mỉa mai và ngạo mạn sỉ vả mình, Bố Chánh Huyền truyền đem phạm nhân tra khảo bảo cung khai về tội xúi dân làm loạn, nêu lên thuyết "Trung Thiên Dịch". Huyền lại đệ trình về kinh xin tuyên án tử hình Trần Cao Vân, nhưng nhờ có một số người muốn che chở, cho nên bản án được phê: 3 năm khổ sai Cao Vân bị giam tại ngục Bình Định, bà vợ cũng bị phạt tù và riêng thân phụ của ông bị phạt 40 đồng vì đã không dạy dỗ con nghiêm chỉnh. Vừa mãn tù 3 năm ở khám ra chưa được bao lâu, nhân có cuộc kháng thuế và xin miễn thuế tại tỉnh Quảng Nam vào tháng hai Năm Mậu Thân (1908), vừa tăng sảng đang ở nhà lao Quảng Nam. Ông không hiểu vì lẽ gì mình bị bắt giam, mãi đến mấy ngày sau mới rõ là do việc dân xin miễn thuế tại Quảng Nam mà ông nghi ngờ là có nhúng tay xúi giục. Tòa án Nam triều tỉnh Quảng Nam kết tội các thân sĩ là "hô hào dân trí cổ vũ dân quyền" chính là mầm mống xúi dân làm loạn. Án lệnh được thi hành và ngày mùng 8 tháng 8 năm Mậu Thân (1908) những chuyến tàu đưa các thân sĩ đầy ra Côn đảo Riêng Trần Cao Vân còn phải chờ điều tra bổ túc ở hai tỉnh Bình Định và Phú Yên, rồi cũng bị kết án chung thân khổ sai đầy ra Côn đảo vào năm sau, tức năm Kỷ Dậu (1909). Lần ra đi này không giống như những lần trước, vì bản án "Chung thân khổ sai" (Nhưng về sau được ân xá và ông chỉ ở tại Côn đảo 6 năm thôi). Nghĩ đến tiên đồ tổ quốc, đến vận nước khinh nguy, nghĩ đến ngày mai đen tối của dân tộc, Trần Cao Vân vô cùng đau đớn. Hai bài thơ dưới đây nói lên tâm lòng người thương nước mến dân trong những ngày bị lưu đày nơi hải đảo:

Bài Thứ nhất

Vấn dư hà sự đảo Côn Lôn ?  
Tứ vọng thương mang ỷ ngục môn  
Trung quốc vị thù nam tử trái  
Hiếu gia du hám lão thân tồn !  
Ngư thợ hải ngoại truyền tâm huyết,  
Kinh hồng thiên biên tỉnh mộng hồn.  
Hong Lạc hồi tư khai Việt tổ,  
Thử thân thệ hữu thử kiên khôn

Dịch Nôm:

Có gì ta lại đến Côn Lôn ?  
Trời bể mệnh mang tựa ngục trông.  
Thù nước chưa nguôi cơn báo phục,  
Thảo thân khôn thấu nỗi hàn ôn !  
Cá đi muốn gởi lời tâm huyết,  
Sóng vỗ như khuya giấc mộng hồn.  
Nhớ tổ Lạc Hồng công dựng nước,  
Thân này thệ nguyện với kiên khôn !

Bài Thứ nhì

Phương châm vị định thốn tâm huyền,  
Đa tích nhiệt thành dĩ hữu niên,  
Bất đảo Côn Lôn chân lạc địa,  
Yên trí hoàn hải đại toàn thiên.  
Ngô đồ lạc lạc hữu đa thán,  
Tạo chủ thương thương tự hữu quyền  
Tối thị anh hùng ma luyện xứ  
Cổ kim kỳ cục hựu kỳ duyên

Dịch nôm

Phương châm chưa định dạ chưa yên,  
Tâm sự bao năm chữa phi nguyên.  
Chẳng đảo Côn Lôn nơi thắng cảnh,  
Biết đâu hoàn hải cõi toàn thiên  
Khuyên cùng bè bạn đừng ta thán,  
Đã có cao xanh tự chủ quyền.  
Rèn đúc anh hùng đây đã sẵn,  
Nghìn xưa kỳ cuộc cũng kỳ duyên

(bản dịch của Hành Sơn)

Sau đây là những bài thơ của Trần Cao Vân còn lưu lại:

Vịnh Bà Cờ Thắng

Đừng quen pháo mạnh vọt ngang cung,  
Mệnh tướng truyền ra sĩ vẫy vùng.  
Voi ngự thân chinh toan mở nước,  
Binh triều ngự giá giục sang sông.  
Xe liên vạn sát kinh tài cả,  
Mã nhứt song trì mặc sức tung.  
Sau trước trong tay rành rỏ nước,  
Cờ cao Hán tổ để đua cùng.

### Vịnh Hòn Ông, Hòn Bà

(Tại tỉnh Phú Yên (Trung Việt) có hai quả núi cao vút, sừng sững đối nhau, tục gọi là "Hòn chồng Đực, Hòn chồng Cái" hay "Hòn Ông, Hòn Bà". Trần Cao Vân lấy tên núi ấy làm 8 câu thơ dưới đây:

Đất nện trời nung khéo định đôi,  
Hòn chồng Đực, Cái, sánh hai ngôi  
Ông xây nên đồng cây trời mọc,  
Bà đúc y khuôn đá mọc chồi.  
Mây núi phủ giăng màn tịnh tức,  
Nước khe hầu rót chén giao bôi.  
Non thề giai lão tro tro đáy,  
Gió chẳng lung lay sóng chẳng nhồi

### Vịnh con tôm

Loài ở nghe lộn bùn mọc râu,  
Ngo ngoe có biết mốc gì đầu ?  
Cong lưng cứ ý tài đâm bắn,  
Ló mặt khôn dò lạch cạn sâu,  
Ngoài ủ lom xom càng múa gọng,  
Trong oi sùn sụt dít co đầu  
Dồn rồng ta bảo đừng quen thói,  
Một nhũ là xong lựa, tát câu

### Vịnh vợ chồng lái đò

Mặc ai chài lưới chẳng thêm lo,  
Chưa gặp thời âu tạm chống đò.  
Sông rộng lão toan cầm lái vững,  
Lạch sâu mụ hãy cầm sào dò.  
Dân trời đưa rước ngày thông thả,  
Lộc nước ăn nhờ bữa ẩm nọ  
Buồm thuận gió hồng khi đỗ bến,  
Vợ chồng một giấc ngáy kho kho

Vịnh Hòn Vay, Hòn Trá  
(Hòn núi này tại tỉnh Phú Yên Trung Việt)

Ai nhủ hỏi đòi khéo lá lay  
Ở qua Hòn Trá bởi vì Vay,  
Tờ mây bóng rợp bà so chỉ,  
Nợ nước ơn đền ông phủ tay  
Ngày tháng rảnh chân muốn cặm bước,  
Cỏ cây dâng lộc bốn mùa thay  
Khách giang hồ những tha hồ mượn,  
Lân Hải Vân rồi đó sẽ hay

Vịnh ông trời n... c... (Động cốn)

(Nguyên tại Phú Yên vào khoảng cuối tháng ba tiết trời nắng hạn, ít khi mưa Mùa này nông dân gặt lúa đem về phơi để đổ vào bồ. Vì biết trời không mưa, nên họ phơi lúa bừa bãi khắp nơi Một hôm, bỗng nhiên trời mưa làm ướt tất cả lúa thóc. Nhiều người cộc cằn thô lỗ đã buộc miệng ó lên: Ông trời n... c... Bấy giờ Trần Cao Vân đang ngồi giảng sách cho học trò, nghe câu nói tục tằn, nhưng xét ra có triết lý thú vị, ông liền mượn đầu để làm bài thơ Đường luật)

Từ xưa Thái cực đúc nên hòn,  
Mới biết ông trời c... thẳng bon.  
Gù mông vòng nằm nang gốc bể,  
Ngũ mây sừng đứng trất đầu non.  
Nhơn nhờ đì gió trên qua lại,  
Thấp thoáng mườn trang ghẹo méo tròn.  
Hang nguyệt ước rờ cha chả sượng.  
Đề vua rồi lại chán tội con.

Gởi cho bà Trần Cao Vân

Xe trở bánh gần hết khúc co,  
Trông chồng chi lắm mặt buồn teo,  
Thân chàng chắc vững không nao núng,  
Dạ thiếp đừng lo chú mèo meo.  
Trướng liễu xử mản khuyên hãy giắc,  
Vườn đào sẵn giếng để rồi gieo,  
Thung dung mặc sức cùng nhau sẽ.  
Chót núi thôi đừng ngó mỗi nheo.